

KẾT QUẢ THI TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐỢT 2 NĂM 2022

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI							Ghi chú	
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng	Kết quả Ngoại ngữ					
								Nghe	Nói	Đọc	Viết		TỔNG
1	Lê Đan Chi	Nữ	31/08/2001	QHQT.009	6.50	6.00	12.50	Cử nhân ngành QHQT và KHCT, Đại học Victoria Wellington, New Zealand					
2	Trần Quang Dũng	Nam	05/04/1992	QHQT.010	6.00	6.75	12.75	Cử nhân ngành Quản trị, Marketing, Đại học Staffordshire, Vương Quốc Anh					
3	Bùi Công Đồng	Nam	02/12/0987	QHQT.011	8.00	8.75	16.75	Chứng chỉ Bậc 4 - Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội					
4	Vũ Lê Hiếu	Nam	05/05/1997	QHQT.014	6.00	7.50	13.50	Cử nhân ngành QHQT, Đại học Phòng vệ Nhật Bản					
5	Trần Việt Hùng	Nam	12/11/1995	QHQT.017	7.00	7.75	14.75	Cử nhân ngành Kinh doanh, Đại học Kaplan, Úc					
6	Lê Văn Khải	Nam	24/10/1993	QHQT.020	6.00	6.00	12.00	Cử nhân ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Lào, Đại học Quốc gia Lào					



Handwritten signature or mark.

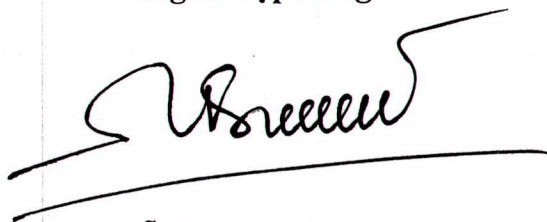
7	Tổng Nguyễn Hà My	Nữ	25/06/1999	QHQT.022	7.00	7.75	14.75	17.00	19.00	30.00	29.00	95.00	
8	Trần Quỳnh Ngọc	Nữ	16/04/1993	QHQT.026	7.00	7.25	14.25	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, học hoàn toàn bằng ngôn ngữ Anh tại Đại học RMIT					
9	Nguyễn Thế Quân	Nam	30/08/1989	QHQT.029	7.00	6.50	13.50	Cử nhân ngành Thương mại, học hoàn toàn bằng ngôn ngữ Anh tại Đại học RMIT					
10	Lê Văn Thành	Nam	06/06/1971	QHQT.031	7.00	8.50	15.50	Cử nhân ngành Tiếng Pháp, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội					
11	Đỗ Thị Thùy Trang	Nữ	05/10/1996	QHQT.039	7.00	7.75	14.75	Cử nhân ngành Quản trị khách sạn, Đại học Công Nghệ, Pháp					
12	Nguyễn Minh Trâm	Nữ	23/04/1985	QHQT.040	8.00	7.75	15.75	16	17.5	28	26.5	88	
13	Ngô Thu Uyên	Nữ	12/11/2000	QHQT.042	8.50	6.75	15.25	17	16.75	28	27	88.75	
14	Nguyễn Anh Vũ	Nam	03/07/1999	QHQT.043	7.00	6.00	13.00	Cử nhân ngành QHQT học hoàn toàn bằng ngôn ngữ Anh, Đại học Pan-european, Cộng hòa Slovakia					
15	Vũ Thị Yên	Nữ	05/06/1987	QHQT.044	7.00	5.25	12.25	17	12.25	30	23	82.25	

16	Nghiêm Hoàng Yến	Nữ	28/06/1992	QHQT.045	8.00	8.00	16.00	Chứng chỉ Delf B2, Ủy ban quốc gia về DELF và DALF	
----	------------------	----	------------	----------	------	------	-------	--	--

Ghi chú:

*Thí sinh phải đạt điểm 5.0 trở lên theo thang điểm 10 đối với các môn thi Triết học và Chính trị quốc tế;
50 điểm trở lên theo thang điểm 100 đối với môn Ngoại ngữ ./.*

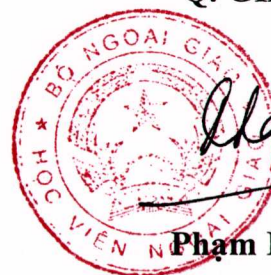
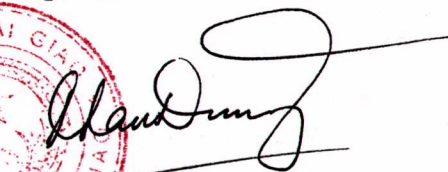
Người lập bảng



Đỗ Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2022

**CHỦ TỊCH HĐTS
Q. GIÁM ĐỐC**

Phạm Lan Dung

